

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16/11/2021.
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Huân và bà Lò Thị Thiêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký phiên tòa - Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 139/2021/TLST-HN&GD ngày 07 tháng 9 năm 2021 về Ly hôn; tranh chấp nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị T, năm sinh: 1996; địa chỉ: Bản P, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn L, năm sinh: 1989; địa chỉ: Bản N, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 9 năm 2021, bản tự khai nguyên đơn chị Lò Thị Thính trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn L được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 03/3/2016. Chị T và anh L kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc. Cuộc sống chung kể từ khi kết hôn vợ chồng thường cãi nhau, bất hòa, do tính cách không hợp nhau. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ

tháng 8/2017 cho đến nay, do sống xa cách nên chị T cho rằng không còn tình cảm với anh L, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Lò Văn L.

Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn L có 01 con chung, cháu Lò Huy H, sinh ngày 06/11/2015. Hiện tại con chung đang ở với chị T, khi ly hôn chị T nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lò Huy H cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động, không yêu cầu anh Lò Văn L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị T.

Về tài sản chung: Chị T và anh L không có tài sản, không đề nghị giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Không có nợ thu về và nợ phải trả nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lò Thị T đề nghị miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành giao văn bản tố tụng theo quy định cho anh L, nhưng hiện tại anh L đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương; Tòa án đã tiến hành giao văn bản tố tụng cho người thân của anh L là ông Lò Văn S và ông S cũng xác nhận đã thông báo cho anh L các nội dung văn bản của Tòa án tổng đạt. Thông qua người thân của anh L là ông Lò Văn S thì được biết: Chị T và anh L kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật. Ban đầu có sống chung với gia đình ông S nhưng sau đó ra ở riêng được một thời gian thì chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay không về ở chung cùng anh L; anh L thì quay về nhà ông S sinh sống. Hai anh chị có 01 con chung là cháu Lò Huy H hiện tại đang ở với mẹ, theo ông S thì nên giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng vì nếu giao cho anh L cũng không đảm bảo cuộc sống cho con chung. Về tài sản và nợ chung, hiện tại không có gì (BL32).

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh của Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T ly hôn với anh L; đề nghị HĐXX áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Lò Huy H, sinh ngày 06/11/2015 cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; anh L không cấp dưỡng nuôi con chung, do chị T không yêu cầu. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị T, do chị T là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con của chị Lò Thị T với anh Lò Văn L thì được xác định là vụ án ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 58 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Thời điểm chị T nộp đơn khởi kiện, anh L có nơi ĐKKHKT tại bản N, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; quá trình giải quyết vụ án đương sự đã nhận được đầy đủ các thông báo, Quyết định hợp lệ. Tại phiên tòa, chị T, anh L vắng mặt, việc đưa ra xét xử vắng mặt của đương sự vẫn đảm bảo quyền lợi cho đương sự, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về Hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn L đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 03/3/2016. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc, nên có thể xác định hôn nhân của chị T và anh L là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật Hôn nhân & gia đình. Cuộc sống hôn nhân giữa hai vợ chồng hạnh phúc những năm đầu, sau đó do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thiếu sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt; do thời gian không sống chung kéo dài dẫn đến chị T không còn tình cảm với anh L. Tòa án cũng đã tiến hành triệu tập đương sự để hòa giải, nhưng anh L không có mặt, chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, nên không thể tiến hành hòa giải cho anh chị quay về đoàn tụ. Đồng thời Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị T và anh L thấy rằng, giữa hai anh chị đã không còn chung sống, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ lâu. Từ những căn cứ trên thấy rằng tình cảm vợ chồng của chị T và anh L đã rạn nứt, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị T, cho chị Lò Thị T ly hôn với anh Lò Văn L.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu giao nuôi con chung của chị Lò Thị T và quá trình xác minh khả năng nuôi con thì thấy: Việc giao nuôi con chung chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc giáo dục cháu H là hoàn toàn phù hợp; như vậy sẽ đảm bảo cho con có một cuộc sống ổn định, điều này giúp con chung có điều kiện phát triển tốt nhất về cả thể chất lẫn tinh thần. Vì vậy căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, để giao cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Huy H cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động. Do chị T đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con nên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của chị T; nên cần chấp nhận.

[3.2] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4.2] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và đơn đề nghị miễn án phí. Hội đồng xét xử, xét thấy chị Lò Thị T đủ điều kiện được xét miễn án phí ly hôn.

[3] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, **khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228**, Điều 271, Điều 273 BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T được ly hôn với anh Lò Văn L.

2. Về con chung: Giao cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Huy H, sinh ngày 06/11/2015 cho đến khi đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động; anh Lò Văn L chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Lò Thị T có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Anh Lò Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

Chị Lò Thị T, anh Lò Văn L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Lò Thị T được miễn án phí ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị T, anh Lò Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đường sự;
- UBND xã N;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đường sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga